TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI
Bản án số: 10/2022/DSST
Ngày 21/01/2022
V/v: "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng.***
*Các Hội thẩm nhân dân****: Ông Quách Đình Hoằng.***
Bà Trần Thị Ánh Tuyết.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: bà ***Phạm Thị Ngọc Yến*** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà ***Phạm Thị Thanh Trúc*** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử của Toà án nhân dân thành phố Pleiku, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐST - DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Út H, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: thôn 2, xã Tân S, thành phố P, tỉnh G, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: thôn 1, xã Tân S, thành phố P, tỉnh G, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2021 các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Út H trình bày:

Tôi có quen biết với bà Nguyễn Thị Thu S, nên bà S đã nhiều lần vay tiền của tôi, cụ thể: Trong ngày 12/10/2019 bà S vay tổng cộng 03 lần

-Lần 1 bà S vay số tiền: 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

-Lần 2 bà S vay số tiền: 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

-Lần 3 bà S vay số tiền: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Tiếp tục đến ngày 15/10/2019 bà S tiếp tục vay của tôi số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Như vậy tổng cộng bà S đã vay của tôi số tiền là: 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Bà S đã nhiều lần hẹn bán đất để trả số tiền nói trên cho tôi, nhưng tôi nhận thấy bà S hoàn toàn không có thiện chí trả số tiền nói trên cho tôi, vì vậy tôi yêu cầu tòa án TP.P buộc bà Nguyễn Thị Thu S phải có trách nhiệm trả lại cho tôi số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và tôi không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nói trên.

Bà Hoa đã nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình gồm:

-01 Giấy mượn tiền vào ngày 12/10/2019 vay số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng và không thỏa thuận về lãi.

-01 Giấy mượn tiền vào ngày 12/10/2012 vay số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng và không thỏa thuận về lãi.

-01 Giấy mượn tiền vào ngày 12/10/2019 vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng và không thỏa thuận về lãi.

-01 Giấy mượn tiền vào ngày 15/10/2019 vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay không có và không thỏa thuận về lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Tôi có mượn của bà Nguyễn Thị Út H số tiền 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) vay tổng cộng ba lần: lần 1: 50.000.000đ; lần 2: 110.000.000đ; lần 3: 70.000.000đ, ngày 15/10/2019 vay tổng cộng: 50.000.000đ, hiện nay tôi đang bị tạm giam trong một vụ án khác nên tôi chưa có điều kiện để trả nợ, nên tôi xin bà H cho tôi thời gian để tôi và gia đình bán đất của tôi để trả nợ, về số tiền lãi tôi xin bà H không tính lãi cho tôi. Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Út H thay đổi một phần đơn khởi kiện, bà thùa nhận ngày 15/10/2021 gia đình của bà Nguyễn Thị Thu S đã trả cho bà H được số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), như vậy số tiền còn lại bà Nguyễn Thị Thu S nợ bà H là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) và tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu S phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) và không yêu cầu bà Sphải trả lãi cho số tiền nói trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bà Nguyễn Thị Thu S đang tạm giam trong một vụ án khác nên không thể tham gia tố tụng và bà S cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu S hiện đang bị tạm giam trong một vụ án khác nên không tham gia tố tụng và bà S cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Thu S phải trả cho bà Nguyễn Thị Út H số tiền là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), xét thấy yêu cầu của bà H là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố P nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Út H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu S, trú tại: thôn 1, xã Tân S, TP.P, tỉnh G phải trả số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).Vì vậy, Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp: "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu S đã được triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng bà S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Qua lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào giấy nợ do nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng việc bà Nguyễn Thị Thu S đã viết giấy mượn tiền của bà Nguyễn Thị Út H số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng), khi vay bà Nguyễn Thị Thu S cam kết trả nợ sau 01 tháng, tuy nhiên sau đó bà Nguyễn Thị Thu S không thực hiện theo như cam kết trả nợ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng, căn cứ vào các giấy nhận nợ các ngày trong ngày 12/10/2019 vay tổng cộng ba lần là: Lần 1 bà S vay số tiền: 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng); Lần 2 bà S vay số tiền: 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng); Lần 3 bà S vay số tiền: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Tiếp tục đến ngày 15/10/2019 bà S tiếp tục vay của số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Các giấy vay mượn nói trên là do bà Nguyễn Thị Thu S tự nguyện viết và ký tên nhưng sau đó bà S đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết nên việc bà H kiện bà S là có căn cứ. Hơn nữa tại bản tự khai ngày 05/10/2021 bà Nguyễn Thị Thu S cũng đã hoàn toàn thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Út H số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và xin bà H không tính lãi đối với số tiền nợ vay nói trên.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 BLTTDS để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở các giấy nhận nợ ngày 12/10/2019 và giấy nhận nợ ngày 15/10/2019 của bà Nguyễn Thị Thu S và căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị Thu S thì việc bà Nguyễn Thị Út H yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu S phải trả cho bà Nguyễn Thị Út H Số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) là hoàn toàn có đầy đủ căn cứ.

Tuy nhiên tại phiên tòa bà H thừa nhận gia đình bà Nguyễn Thị Thu S đã trả được số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), nên nay bà chỉ yêu cầu bà S phải trả số tiền còn lại là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) và bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nói trên.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H thay đổi yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Thu S phải trả số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), việc thay đổi này là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Út H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; Điều 92; Điều 96; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Út H.
2. Buộc Nguyễn Thị Thu S phải trả cho bà Nguyễn Thị Út H số tiền tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu 9.000.000đ (chín triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Út H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Út H số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) đã tạm nộp án phí trước đây theo biên lai số 0000802 ngày 04/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP.P, tỉnh G.

5. Về thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. P ;
- Chi cục THADS TP. P
- TAND tỉnh G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Hồng